

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng Bê tông hóa
đường giao thông nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 15/TTr-SGTVT ngày 12/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2020 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Tên chương trình: Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2016 - 2020.

Danh mục: Kế hoạch bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2020.

2. Địa điểm xây dựng: Các huyện, thị xã.

3. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng

a. Mục tiêu xây dựng: Hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông ở khu vực nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

b. Quy mô xây dựng:

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại A ($B_n = 6,0m$; $B_m = 3,5m$) M250 đá 2x4 dày 20cm trên nền đường có sẵn;

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại B ($B_n = 5,0m$; $B_m = 3,0m$) M250 đá 2x4 dày 18cm trên nền đường có sẵn;

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại C ($B_n = 4,0m$; $B_m = 2,5m$) M200 đá 2x4 dày 16cm trên nền đường có sẵn;

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại D ($B_n = 3m$; $B_m = 2m$) M200 đá 2x4 dày 16cm trên nền đường có sẵn.

4. Nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

- + 220 tấn xi măng/Km đường giao thông nông thôn loại A;
- + 170 tấn xi măng/Km đường giao thông nông thôn loại B;
- + 110 tấn xi măng/Km đường giao thông nông thôn loại C;
- + 90 tấn xi măng/Km đường giao thông nông thôn loại D.

Riêng đối với các tuyến đường giao thông liên xã, trực chính của xã được xây dựng theo quy mô loại A, ngoài nguồn vốn được hỗ trợ bằng xi măng nêu trên, còn được hỗ trợ thêm 200 triệu đồng/Km đường (*lưu ý, danh mục các tuyến đường này phải được đoàn liên ngành kiểm tra và xác định theo đúng tiêu chí mới được xem xét hỗ trợ*).

- Phần kinh phí còn lại là ngân sách huyện, ngân sách xã, vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Bảng tổng hợp khối lượng xi măng tỉnh hỗ trợ đối với đường giao thông nông thôn cho từng loại, như sau:

TT	Địa phương	Chiều dài loại đường (Km)				Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)
		A	B	C	D		
1	Hoài Nhơn	4,068	34,598	28,313	33,609	100,588	12.915,860
2	An Lão	-	8,482	0,415	3,250	12,147	1.780,090
3	Hoài Ân	0,300	11,350	1,510	8,220	21,380	2.901,400
4	Tây Sơn	4,836	30,770	16,988	6,818	59,412	8.777,120
5	Vĩnh Thạnh	-	15,437	-	0,331	15,768	2.654,080
6	An Nhơn	4,489	51,762	9,031	11,486	76,768	11.814,270
7	Phù Cát	0,670	26,496	31,906	24,997	84,069	10.411,110
8	Vân Canh	1,700	8,131	0,300	-	10,131	1.789,270
9	Phù Mỹ	3,603	23,494	47,559	13,735	88,391	11.254,280
10	Tuy Phước	4,895	10,940	13,058	18,749	47,642	6.060,490
Tổng cộng		24,561	221,460	149,080	121,195	516,296	70.357,970

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao UBND các huyện, thị xã bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (*Chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương*) tổ chức thực hiện theo đúng quy định trong công tác đầu tư xây dựng về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2020 ở địa phương đảm bảo theo kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao Sở Giao thông vận tải:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã kiểm tra, soát xét kỹ danh mục các tuyến đường xã, trục chính xã đủ điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ trì, phối hợp các ngành hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các địa phương theo quy định hiện hành; báo cáo định kỳ hàng Quý cho UBND tỉnh để chỉ đạo thực hiện.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K19.(M.30b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng